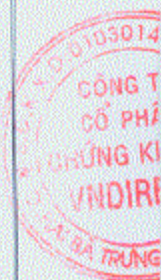


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III.2011

- Mẫu số B01-CTCK : Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B02-CTCK : Kết quả hoạt động kinh doanh
- Mẫu số B04-CTCK : Lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B09- CTCK: Thuyết minh báo cáo tài chính
- Bảng cân đối phát sinh tài khoản



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			1,874,982,425,349	2,912,772,308,985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1		793,401,776,867	1,144,120,749,064
1. Tiền	111			793,401,776,867	1,144,120,749,064
2. Các khoản tương đương tiền	112			-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			421,948,970,471	586,655,746,655
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2		615,406,707,316	680,666,155,024
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3		(193,457,736,845)	(94,010,408,369)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			656,130,490,461	1,178,712,162,897
1. Phải thu của khách hàng	131			-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.4		1,883,441,727	8,549,443,053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5		715,350,349,513	1,180,585,475,191
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6		2,527,685,817	4,391,347,436
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7		(63,630,986,596)	(14,814,102,783)
IV. Hàng tồn kho	140			-	4,894,041
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			3,501,187,550	3,278,756,328
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8		2,221,232,383	2,105,309,624
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9		1,279,955,167	1,173,446,704

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNHBan hành theo thông tư số 95/2008 TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)		200		51,336,497,080	41,816,182,219
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		42,139,686,357	34,323,051,394
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	10,465,427,486	14,009,403,538
Nguyên giá		222		34,367,662,041	34,306,988,341
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(23,902,234,555)	(20,297,584,803)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	24,815,945,466	20,050,719,894
Nguyên giá		228		34,196,800,427	26,747,949,334
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(9,380,854,961)	(6,697,229,440)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	6,858,313,405	262,927,962
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
Nguyên giá		241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		253		-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán		254		-	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		9,196,810,723	7,493,130,825
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.12	2,774,179,894	3,570,499,996
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		263	V.13	6,422,630,829	3,922,630,829
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		1,926,318,922,429	2,954,588,491,204

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNHBan hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		814,281,482,395	1,713,038,172,892
I. Nợ ngắn hạn		310		814,281,482,395	1,713,038,172,892
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	-	150,650,000,000
2. Phải trả người bán		312	V.15	1,814,902,864	178,496,390,293
3. Người mua trả tiền trước		313			421,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	32,600,918,203	33,992,253,704
5. Phải trả người lao động		315		16,092,727	-
6. Chi phí phải trả		316	V.17	8,038,807,242	10,701,062,587
7. Phải trả nội bộ		317			-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.18	568,527,533,110	627,422,043,624
9. Phải trả hộ cô tức, gốc và lãi trái phiếu		321	V.19	120,226,160	193,225,201
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322	V.20	144,250,000	3,518,608,000
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		328	V.21	203,018,752,089	707,643,589,483
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		1,112,037,440,034	1,241,550,318,311
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	1,112,037,440,034	1,241,550,318,311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		999,990,000,000	999,990,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413			-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(3,310,000)	(3,310,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417			-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		32,656,202,830	32,656,202,831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(15,605,452,796)	113,907,425,481
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		1,926,318,922,429	2,954,588,491,204

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Via số	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	2,494,302,640,000	2,817,740,260,000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	2,454,905,370,000	2,540,205,190,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	148,855,000,000	176,760,350,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	2,271,669,420,000	2,336,086,500,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	34,380,950,000	27,358,340,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	0	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	29,310,270,000	210,448,070,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	3,310,000	14,003,310,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	29,301,440,000	196,439,240,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5,520,000	5,520,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	10,087,000,000	67,087,000,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	10,000,000,000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	87,000,000	67,087,000,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	0	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	0	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	0	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	0	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	0	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	0	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	0	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	134,474,040,000	116,974,710,000
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	62,409,840,000	60,845,000,000

Lập ngày 14 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Quyền Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III.2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		57,746,811,205	128,828,853,259	215,774,330,317	441,584,599,108
Trong đó:						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11,284,811,939	25,057,928,018	32,929,662,247	88,351,392,529
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2,544,311,249	30,023,072,433	2,742,779,996	188,146,566,542
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3				-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4				-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		200,000,000	62,727,273	660,050,505	331,945,782
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6				181,590,573	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		19,196,338	110,840,523	19,196,338	210,796,855
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8				-	-
Doanh thu khác	01.9		43,698,491,679	73,574,285,012	179,241,050,658	164,543,897,400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		57,746,811,205	128,828,853,259	215,774,330,317	441,584,599,108
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VL1	30,736,050,522	55,999,384,090	278,984,666,480	110,731,857,149
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		27,010,760,683	72,829,469,169	(63,210,336,163)	330,852,741,959
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL2	15,059,686,693	19,576,168,664	54,310,722,226	51,298,012,302
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		11,951,073,990	53,253,300,505	(117,521,058,389)	279,554,729,657
8. Thu nhập khác	31	VL3	36,562,909	27,852,896	72,712,863	77,725,271
9. Chi phí khác	32	VL4	123,032,215	21,083,890	9,286,882,306	21,697,339
10. Lợi nhuận khác (40-31-32)	40		(86,469,306)	6,769,006	(9,214,169,443)	56,027,932
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50-30+40)	50		11,864,604,684	53,260,069,511	(126,735,227,832)	279,610,757,589
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16		12,354,113,173	2,777,650,444	24,708,226,346
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60-50-51-52)	60		11,864,604,684	40,905,956,338	(129,512,878,276)	254,902,531,243
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL5	119	909	(1,295)	5,665

Kế toán trưởng

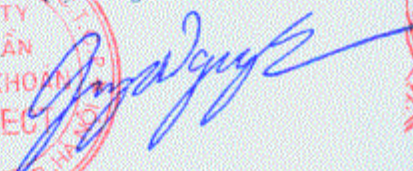


Nguyễn Hà Ninh



Lập ngày 14 tháng 10 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III.2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thu yết min h	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc vào ngày 30/9/2011	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc vào ngày 30/9/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(126,735,227,832)	279,610,757,589
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-
- Khấu hao tài sản cố định	02	6,314,437,273	7,855,439,132
- Các khoản dự phòng	03	135,469,547,582	(68,662,326,630)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	62,411,294,073	71,474,061,319
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77,460,051,096	290,277,931,410
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	682,733,775,670	(1,303,876,858,080)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4,894,041	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(888,495,507,620)	1,292,336,680,229
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(680,397,343)	1,612,793,560
- Tiền lãi vay đã trả	13	(52,687,101,025)	(68,531,731,294)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10,000,000,000)	25,127,314,523
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	77,725,271
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(21,697,339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(191,664,285,180)	237,002,158,280
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(21,090,415,229)	(5,227,059,018)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,685,728,212	11,882,581,590

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

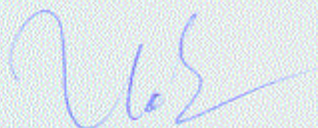
Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B03 - CTCK

Thực hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	đơn vị tính	Số tiền	
			Quý này	Quý trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	404,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(150,650,000,000)	(498,278,600,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150,650,000,000)	(94,278,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(350,718,972,197)	149,379,080,852
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1,144,120,749,064	762,628,411,589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	793,401,776,867	912,007,492,441

Kế toán trưởng

Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 14 tháng 10 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III.2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư cho nhà ủy thác, tư vấn đầu tư chứng khoán
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 có 227 nhân viên đang làm việc tại Công ty

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi,

3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ,

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ,

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm quản lý	03 – 10

4. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý, Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán,

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua,

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời,

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá đáng hạch toán trên sổ sách,

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính,

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

5. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

6. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

Hiện tại, chưa có văn bản pháp quy nào của Nhà nước hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ giao dịch mua chứng khoán ký quỹ. Bộ Tài chính mới có dự thảo lần 2 "Thông tư hướng dẫn hoạt động giao dịch mua chứng khoán ký quỹ". Công ty đang tiến hành xem xét nội dung dự thảo Thông tư này để có những điều chỉnh phù hợp khi Thông tư được Bộ Tài chính chính thức ban hành.

7. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn, Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo, Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn, Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

12. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ		
Tiền gửi Ngân hàng	224,315,445,610	515,960,582,434
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	563,594,977,862	625,700,817,609
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5,491,353,395	2,459,349,021
Cộng	793,401,776,867	1,144,120,749,064

2. Đầu tư ngắn hạn*Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:*

	Số cuối Quý	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	553,828,510,984	630,809,473,692
Cổ phiếu niêm yết	341,583,109,892	446,776,972,599
Cổ phiếu chưa niêm yết	212,245,401,092	184,032,501,093
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	12,176,000,000	-
Trái phiếu Công ty	12,176,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	49,402,196,332	49,856,681,332
Cho Công ty CP Địa ốc Minh Ngân vay	42,784,681,332	42,784,681,332
Hợp tác đầu tư	6,617,514,999	7,072,000,000
Cộng	615,406,707,316	680,666,155,024

Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Số đầu quý	549,996,813,366
Tăng trong quý	45,380,127,918
Giảm trong quý	29,372,430,299
Số cuối quý	566,004,510,985

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	341,583,109,892	212,245,401,092	553,828,510,984
Giá trị theo thị trường	180,856,505,640	179,514,268,500	360,370,774,140
Số phải trích lập dự phòng tại 30/09/2011	160,726,604,252	32,731,132,592	193,457,736,844
Số đã trích tại 30/06/2011	147,667,006,363	32,258,252,576	179,925,258,938
Số trích lập (hoàn nhập) năm nay	13,059,597,889	472,880,017	13,532,477,905

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH AFE Solutions		2,654,685,000
Công ty TNHH tư vấn quản lý C&A	550,000,000	568,000,000
Công ty Sao Bắc Đẩu	447,740,850	4,114,000,000
Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	192,432,000	192,432,000
Cty CP Ootech		114,480,000
CN Cty TNHHKT Phương Đông ICA	10,000,000	10,000,000
Các đối tượng khác	683,268,877	895,846,053
Cộng	1,883,441,727	8,549,443,053

5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	30,956,308,438	99,696,563,780
Phải thu về bảo lãnh thanh toán tiền mua chứng khoán của người đầu tư	602,702,065,495	1,012,063,443,223
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	81,236,775,580	68,062,368,188
Phải thu hoạt động tư vấn		52,000,000
Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	455,200,000	711,100,000
Cộng	715,350,349,513	1,180,585,475,191

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1,887,800,000	1,887,800,000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75,975,333	75,975,333
Phải thu Trịnh Phương Nhi tiền chuyển nhằm tài khoản		1,419,230,000
Phải thu về dự án IPA	287,578,273	557,204,146
Phải thu khác	276,332,211	451,137,957
Cộng	2,527,685,817	4,391,347,436

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Êa dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi, Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14,814,102,783	-
Trích lập dự phòng bổ sung	49,554,697,013	14,814,102,783

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Hoàn nhập dự phòng	(737,813,200)	-		
Số cuối năm	63,630,986,596	14,814,102,783		
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm		
CCDC, đồ dùng văn phòng	714,397,771	891,037,668		
Chi phí sửa chữa văn phòng	1,506,834,612	1,214,271,956		
Cộng	2,221,232,383	2,105,309,624		
9. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm		
Tạm ứng	414,963,737	308,455,274		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	864,991,430	864,991,430		
Cộng	1,279,955,167	1,173,446,704		
10. Tài sản cố định	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá				
Số đầu năm	10,525,015,597	23,781,972,744	34,306,988,341	26,747,949,334
Mua sắm mới		60,673,700	60,673,700	7,448,851,093
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối quý	10,525,015,597	23,842,646,444	34,367,662,041	34,196,800,427
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4,764,784,985	15,532,799,818	20,297,584,803	6,697,229,440
Khấu hao trong quý	1,656,777,463	1,947,872,289	3,604,649,752	2,683,625,521
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối quý	6,421,562,448	17,480,672,107	23,902,234,555	9,380,854,961
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5,760,230,612	8,249,172,926	14,009,403,538	20,050,719,894
Số cuối quý	4,103,453,149	6,361,974,337	10,465,427,486	24,815,945,466

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Phần mềm cho mạng xã hội "Vndirect community"	200,255,150	-	-	200,255,150
Phần mềm đặt lệnh		6,595,385,443		6,595,385,443
Phần mềm cho sản giao dịch chứng khoán ảo Vndirect	62,672,812	-	-	62,672,812
Số cuối năm	262,927,962	-	-	6,858,313,405

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào chi phí trong quý	Số cuối quý
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	1,275,841,003	-	726,337,906	549,503,097
Chi phí sửa chữa tài sản	2,294,658,993	514,774,287	584,756,483	2,224,676,797
Số cuối quý	3,570,499,996	514,774,287	1,311,094,389	2,774,179,894

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Quý này	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	6,302,630,829	3,802,630,829
Số cuối quý	6,422,630,829	3,922,630,829

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngân hàng		93,000,000,000
Ngân hàng TMCP Liên Việt		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Việt Á		93,000,000,000
Vay các tổ chức và cá nhân khác		57,650,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí		
Vay ông Vũ Hiền (*)		57,650,000,000
Cộng		150,650,000,000

15. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
--	-------------	------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	1,761,476,244	178,331,625,226
Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Thiên Hưng		130,488,450
Các đối tượng khác	53,426,620	34,276,617
Cộng	1,814,902,864	178,496,390,293

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp trong quý	Số cuối quý
Thuế GTGT đầu ra	904,782,092	8,479,875,389	8,518,664,925	865,992,556
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30,279,669,002	2,777,650,445	10,000,000,000	23,057,319,447
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	83,996,132	1,455,012,048	1,407,283,237	131,724,943
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2,723,806,478	9,743,741,689	11,974,852,840	492,695,327
Các khoản phải nộp khác		8,053,185,930	-	8,053,185,930
Cộng	33,992,253,704	30,509,465,501	31,900,801,002	32,600,918,203

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng, Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,864,604,684	109,149,247,346
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		
Kể toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh giảm (cố tức, lợi nhuận được chia)	(803,146,622)	(387,721,029)
Thu nhập chịu thuế	11,061,458,062	108,761,526,317

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thu nhập được miễn thuế		
Lỗ các năm trước được chuyển	(87,334,610,386)	
Thu nhập tính thuế	(76,273,152,324)	108,761,526,317
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	27,190,381,579
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	27,190,381,579
17. Chi phí phải trả		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, repo cổ phiếu	6,624,847,219	7,956,131,328
Hoa hồng môi giới	429,304,241	529,070,838
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	331,945,284	640,316,517
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	453,568,769	846,185,511
Lãi dự trả các hợp đồng hỗ trợ lãi suất	119,777,778	
Chi phí phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán		
Phí giao dịch phải trả các đại lý nhận lệnh	62,313,951	
Các khoản chi phí văn phòng phải trả	17,050,000	729,358,393
Cộng	8,038,807,242	10,701,062,587
18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán		
19. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP tập đoàn đầu tư IPA	122,361,500	150,986,500
Cổ tức Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Việt Nam		12,390,200
Ngân hàng ngoại thương Việt Nam		20,500,001
Ngân hàng Việt á		
Cổ tức các công ty khác	(2,135,340)	9,348,500
Cộng	120,226,160	193,225,201
20. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		
Là các khoản nhà đầu tư nộp tiền thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm phải trả cho tổ chức phát hành chứng khoán		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	86,040,535	165,250,535
BHXH, BHYT phải nộp	(6,692,720)	1,215,566
Tiền đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	206,510,554,658	706,611,554,658
Tiền góp vốn của các Cổ đông	-	-
Chứng khoán chờ về	-	-
Phải trả Nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	135,952,139	754,925,881
Phải trả các khoản đặt tiền đầu giá của Nhà đầu tư	198,432,502	65,444,995
Các khoản phải trả khác	(3,905,535,025)	45,197,848
Cộng	203,018,752,089	707,643,589,483

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Số dư đầu năm nay	999,990,000,000	95,000,000,000	(3,310,000)	32,656,202,831	113,907,425,481	1,241,550,318,312
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần						-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn						-
Tăng vốn trong năm bằng tiền						-
Lợi nhuận trong kỳ này					(129,512,878,276)	(129,512,878,276)
Trích lập các quỹ trong kỳ này						-
Số dư cuối năm nay	999,990,000,000	95,000,000,000	(3,310,000)	32,656,202,831	(15,605,452,795)	1,112,037,440,036

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	99,990,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu mua lại	(331)	
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	99,989,669	30,000,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Quý này	Quý trước
Chi phí môi giới chứng khoán	4,973,428,146	3,734,405,695
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	2,477,511,101	68,461,383,533
Chi phí lưu ký chứng khoán		
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	13,532,477,907	
Chi phí sử dụng vốn	9,538,397,085	73,007,734,299
Chi phí tư vấn đầu tư	214,236,283	
Cộng	30,736,050,522	145,203,523,527

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này	Quý trước
Chi phí nhân viên	7,173,404,498	7,363,373,158
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,198,702,380	2,085,824,618
Thuế, phí, lệ phí	511,000	110,000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,687,068,815	6,924,693,835
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	15,059,686,693	16,374,001,611

3. Thu nhập khác

	Quý này	Quý trước
Các khoản thu nhập khác	36,562,909	35,085,121
Cộng	36,562,909	35,085,121

4. Chi phí khác

	Quý này	Quý trước
--	----------------	------------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí khác	123,032,215	220,100,829
Cộng	123,032,215	220,100,829
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý này	Quý trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,864,604,684	(87,405,468,748)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11,864,604,684	(87,405,468,748)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99,999,000	99,999,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	119	(874))
6. Thu nhập của nhân viên	Quý này	Năm trước
Tổng quỹ tiền lương	7,173,404,498	7,363,373,158
Tổng quỹ tiền thưởng	-	-
Tổng thu nhập	7,173,404,498	7,363,373,158
Tổng số cán bộ nhân viên	227	237
Tiền lương bình quân/tháng	10,533,634	10,356,362
Tổng thu nhập bình quân/tháng	10,533,634	10,356,362

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 14 tháng 10 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT

Nguyễn Hoàng Giang